TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **216**/2018/LĐ-ST
Ngày: 29/11/2018
V/v tranh chấp Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và tiền lương

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Mỹ Hồng.

Ông Mai Ngọc Thuần.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Trâm - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu* - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 183/2018/TLST - LĐ ngày 17 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp "Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn, bệnh nghề nghiệp và tiền lương" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 467/2018/QĐXXST-LĐ ngày 19 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 440/2018/QĐST-LĐ ngày 08/11/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trương Thị N**, sinh năm 1995; Thường trú: ấp T, xã K, huyện M, tỉnh B; (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thái T; Địa chỉ: 621Bis Bến Ba Đ, Phường K, Quận T, Thành phố H (theo văn bản ủy quyền lập ngày 10/4/2018 tại Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: **Công ty Trách nhiệm hữu hạn B**; địa chỉ trụ sở: Đường 2B, Khu Công nghiệp V, phường H, quận B, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Park Kye H – chức vụ: Giám đốc; địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Lô D, P.701 Chung cư T, đường Nguyễn Văn Q, phường Đ, Quận K, Thành phố H; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi ngày 14/5/2018, bản tự khai ngày 10/7/2018 và các biên bản hòa giải, đại diện của nguyên đơn trình bày:

Bà Trương Thị N vào làm việc tại Công ty TNHH B (sau đây gọi là Công ty) từ tháng 3/2014 nhưng đến ngày 07/10/2014 hai bên thỏa thuận ký hợp đồng xác định thời hạn, hợp đồng có các nội dung gồm: chức vụ: hoàn thành – thợ phụ, công việc phải làm: làm việc theo sự sắp xếp của tổ trưởng; mức lương 2.835.000đ/26 ngày công (chưa bao gồm các khoản phụ cấp); hình thức trả lương bằng tiền mặt, 01 lần vào ngày 10 dương lịch hàng tháng; tiền thưởng làm đủ 01 năm được hưởng 01 tháng lương vào dịp Tết nguyên đán. Chế độ nâng lương theo quy định của Công ty. Tuy nhiên, đến ngày 12/02/2018, Công ty không còn hoạt động và chưa thực hiện nghĩa vụ đóng các chế độ bảo hiểm cho bà trong giai đoạn từ tháng 6/2017 đến tháng 01/2018 với số tiền tạm tính là 8.513.793đ. Đồng thời, Công ty cũng còn nợ bà các khoản gồm: 70% tiền lương ngưng việc trong tháng 10/2017 là 1.716.514đ; 08 ngày công làm việc trong tháng 02/2018 (tính đến ngày 12/02/2018) với số tiền là 2.459.768đ; 14 ngày tiền phép năm của năm 2017 là 2.120.462đ; tiền lương tháng 13 của năm 2017 là 3.938.000đ.

Theo đơn khởi kiện gửi ngày 14/5/2018, bà Trương Thị N yêu cầu Công ty phải trả và chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bà đã nhận được sổ bảo hiểm xã hội nên bà rút lại yêu cầu này theo đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện gửi ngày 10/7/2018. Đồng thời, bà xác định lại yêu cầu khởi kiện như sau:

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn B thực hiện nghĩa vụ đóng các độ bảo hiểm trong giai đọan từ tháng 6/2017 đến tháng 01/2018, với số tiền tạm tính là 8.513.793đ; thanh toán các khoản gồm: 70% tiền lương ngưng việc trong tháng 10/2017 là 1.716.514đ; 08 ngày công làm việc trong tháng 02/2018 (tính đến ngày 12/02/2018) với số tiền là 2.459.768đ; 14 ngày tiền phép năm của năm 2017 là 2.120.462đ; tiền lương tháng 13 của năm 2017 là 3.938.000đ.

Tổng cộng bà yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn B thanh toán số tiền 18.748.536đ (mười tám triệu, bảy trăm bốn mươi tám nghìn, năm trăm ba mươi sáu đồng), thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về phía bị đơn: Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng Công ty TNHH B vắng mặt không rõ lý do tại các buổi làm việc, hòa giải nên không có ý kiến trình bày.

Căn cứ kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án nhân dân quận Bình Tân tại Sở kế hoạch đầu từ thành phố Hồ Chí Minh thì Công ty TNHH B chưa đăng ký giải thể. Ngoài ra, kết quả xác minh tại Công an phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận, Công ty TNHH B không hoạt động tại địa chỉ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh từ ngày 12/02/2018.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận Bình Tân thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán thụ lý giải quyết hồ sơ vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng thời hạn đưa vụ án ra xét xử chưa đảm bảo thời hạn quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án đúng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật, bị đơn đã được Tòa án tống đạt triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, tiền lương, đây là tranh chấp về lao động cá nhân giữa người lao động và người sử dụng lao động; bị đơn có trụ sở hoạt động tại quận Bình Tân. Căn cứ khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về điều kiện khởi kiện: theo đơn khởi kiện của nguyên đơn có tranh chấp về tiền lương, căn cứ theo Điều 201 Bộ luật lao động năm 2012 và Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định một số loại việc tranh chấp bắt buộc phải qua hòa giải cơ sở. Do đó, căn cứ vào biên bản hòa giải không thành về tranh chấp lao động lập ngày 17/4/2018 của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội quận Bình Tân thì việc khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp theo quy định nên nguyên đơn đủ điều kiện khởi kiện.

Về thủ tục xét xử vắng mặt của đương sự:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đại diện của nguyên đơn là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Công ty TNHH B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ lần thứ hai, yêu cầu Công ty có mặt tại Tòa để Tòa án tiến hành xét xử, giải quyết việc tranh chấp về các khoản bảo hiểm, về tiền lương, tiền thưởng và tiền phép năm giữa bà Trương Thị N và Công ty nhưng Công ty vắng mặt không có lý do; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố dụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

Về nội dung tranh chấp:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đề nghị bị đơn thực hiện nghĩa vụ chốt, trả sổ bảo hiểm xã hội, thực hiện nghĩa vụ đóng các chế độ bảo hiểm, trả tiền lương, tiền thưởng và tiền phép năm. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết,

nguyên đơn đã được nhận sổ bảo hiểm xã hội nên nguyên đơn xin rút yêu cầu trả và chốt sổ theo đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 10/7/2018. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp; kèm theo yêu cầu nguyên đơn nộp cho Tòa bản Hợp đồng lao động năm 2014, được giao kết giữa nguyên đơn và bị đơn có các nội dung như đã nêu trên. Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn thực hiện đầy đủ công việc được yêu cầu; về phía bị đơn thực hiện đầy đủ việc chi trả lương, đóng các chế độ Bảo hiểm xã hội nhưng từ tháng 6/2017 đến tháng 01/2018 bị đơn chưa đóng các chế độ bảo hiểm với số tiền là 8.513.793đ. Từ ngày 12/02/2018, bị đơn đã ngừng hoạt động. Ngoài bảng hợp đồng lao động nêu trên, nguyên đơn còn cung cấp cho Tòa án bảng tính 70% tiền lương ngưng việc trong tháng 10/2017; 08 ngày công làm việc trong tháng 02/2018 (tính đến ngày 12/02/2018); 14 ngày tiền phép năm của năm 2017 và tiền lương tháng 13 của năm 2017.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng tiến hành xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ tại cơ quan Bảo hiểm xã hội quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, theo bảng tính các chế độ bảo hiểm thì mức lương cơ bản hàng tháng nguyên đơn nhận từ tháng 6/2017 đến tháng 12/2017 là 3.938.000đ/tháng; tháng 01/2018 mức lương tăng theo quy định vùng là 4.179.000đ/tháng. Đồng thời, theo Công văn số 214/CV - BHXH ngày 28/9/2018 của Bảo hiểm xã hội quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận "*Bà Trương Thị N, sinh năm 1995, số sổ BHXH: 7914032637, có quá trình tham gia từ tháng 4/2014 đến tháng 01/2018 nhưng Công ty mới trích nộp tiền BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN đến hết tháng 05/2017. Căn cứ vào mức lương đóng mà Công ty đã báo cáo với Bảo hiểm xã hội quận Bình Tân thì số tiền Công ty phải đóng (chưa bao gồm lãi) cho bà Trương Thị N, số sổ BHXH nêu trên từ tháng 6/2017 đến tháng 01/2018 số tiền là 8.513.793đ*". Tuy nhiên, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn khai nhận, số tiền đóng bảo hiểm xã hội hàng tháng mà nguyên đơn phải đóng là số tiền đã được bị đơn trích ra từ tiền lương hàng tháng của nguyên đơn, sau đó mới thanh toán tiền lương từ tháng 6/2017 đến tháng 1/2018 nhưng bị đơn chưa thực hiện nghĩa vụ đóng cho Bảo hiểm xã hội quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 19 và khoản 2 Điều 21 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014, việc đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc là trách nhiệm chung của người sử dụng lao động và người lao động điều này cũng nhằm bảo đảm quyền lợi cho người lao động cũng là phù hợp theo quy định pháp luật. Đồng thời, căn cứ vào khoản 1 và khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội thì "*trách nhiệm của người sử dụng lao động là đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại Điều 86 luật bảo hiểm xã hội và hàng tháng trích từ tiền lương của người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 85 của luật bảo hiểm xã hội để đóng cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm xã hội*". Việc thu tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao

động – bệnh nghề nghiệp của nguyên đơn nhưng bị đơn chưa nộp cho cơ quan bảo hiểm xã hội là vi phạm nghiêm trọng quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc Công ty thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ bảo hiểm trong giai đoạn từ tháng 6/2017 đến tháng 01/2018, với số tiền 8.513.793đ là có cơ sở chấp nhận.

Xét yêu cầu đòi tiền lương, tiền thưởng và tiền phép năm, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ Bảng tính số tiền phải đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ - BNN ngày 28/9/2018 của Bảo hiểm xã hội quận Bình Tân xác định mức lương cơ bản hàng tháng nguyên đơn nhận từ tháng 6/2017 đến tháng 12/2017 là 3.938.000đ/tháng; tháng 01/2018 mức lương tăng theo quy định vùng là 4.179.000đ/tháng là phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn về mức lương cơ bản hàng tháng mà phía nguyên đơn đã nhận.

Do đó, đối với yêu cầu thanh toán lương ngừng việc tháng 10/2017, phía nguyên đơn khai trong tháng 10/2017 vì bị đơn không có việc làm nên có thỏa thuận với tất cả công nhân trả 70% lương ngừng việc trong những ngày không được làm việc; về phía bị đơn vắng mặt không rõ lý do và không có ý kiến phản bác lời trình bày của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, việc thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 98 Bộ luật lao động năm 2012 và khoản 1 Điều 26 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động năm 2012 nên 70% lương của 16.19 ngày công tháng 10/2017 tương ứng số tiền 1.716.514đ là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu 08 ngày công làm việc (lương, tăng ca và phụ cấp) của tháng 02/2018 là 2.459.768đ. Căn cứ theo nghị định 141/2017/NĐ-CP ngày 7/12/2017 của Chính Phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động thì mức lương cơ bản tại thời điểm tháng 02/2018 là 4.179.000đ. Như vậy, tiền lương 08 ngày công làm việc (lương, tăng ca và phụ cấp) nêu trên là phù hợp nên có cơ sở chấp nhận.

Xét yêu cầu tiền thưởng năm 2017: Căn cứ vào Điều 3 của Hợp đồng lao động thỏa thuận: «*làm đủ 01 năm sẽ được thưởng 01 tháng lương vào dịp Tết nguyên đán*". Căn cứ vào kết quả xác minh của Công an phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, từ ngày 12/02/2018, Công ty ngừng hoạt động, đối chiếu lịch âm thì đây là khoảng thời gian diễn ra tết nguyên đán và hợp đồng được ký kết giữa hai bên từ ngày 07/10/2014 nên đến ngày 12/02/2018 thì nguyên đơn đã làm đủ 01 năm. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu được hưởng 01 tháng tiền thưởng Tết tương đương số tiền 3.938.000đ là có cơ sở chấp nhận.

Xét yêu cầu 14 ngày phép năm 2017: căn cứ vào Điều 3 của hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể quy định:"0*1 năm làm việc thì được nghỉ 14 ngày phép và cứ 05 năm làm việc thì được thêm 01 ngày phép*" việc thỏa thuận này giữa nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với Điều 114 Bộ luật lao động năm 2012 và khoản 3 Điều 26 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động năm 2012. Nguyên đơn căn cứ vào bảng tính lương phép năm 2017 thì xác định được số ngày được nghỉ phép của nguyên đơn là 14 ngày và yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền này, bị đơn vắng mặt không có ý kiến phản bác về lời

trình bày của nguyên đơn nên số tiền phép năm được hưởng của nguyên đơn là 2.120.462đ là có cở sở chấp nhận.

Như vậy, từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân về việc thụ lý, giải quyết vụ án của Tòa án đã tuân thủ các thủ tục tố tụng dân sự. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí có giá ngạch nên Công ty TNHH B phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 562.456đ (Năm trăm sáu mươi hai nghìn, bốn trăm năm mươi sáu đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; 217, 227, 228, 244, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 22, 90, 96, 98, 103, 111 và Điều 114 của Bộ luật lao động;

Luật bảo hiểm xã hội 2014;

Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Điều 24 và Điều 26 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị N.

1. 1. Buộc Công ty TNHH B phải thực hiện nghĩa vụ đóng Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho bà Trương Thị N thời gian từ tháng 6/2017 đến tháng tháng 01/2018 với số tiền nợ gốc là 8.513.793đ (tám triệu, năm trăm mười ba nghìn, bảy trăm chín mươi ba đồng). Việc nộp khoản tiền trên theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội, Luật bảo hiểm y tế. Thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, Công ty TNHH B còn chịu tiền lãi trên số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chưa đóng, chậm đóng theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội, Luật bảo hiểm y tế.

1.2. Buộc Công ty TNHH B phải thanh toán cho bà Trương Thị N các khoản nợ tiền lương, tiền thưởng năm 2017 và tiền nghỉ phép năm 2017, với tổng số tiền là 10.234.743 (mười triệu, hai trăm ba mươi bốn nghìn, bảy trăm bốn mươi ba đồng), thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải trả thêm một khoản tiền ít nhất bằng số tiền trả chậm nhân với lãi suất trần huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm trả lương. Khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không quy định trần lãi suất thì được tính theo lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng của ngân hàng thương mại, nơi bị đơn mở tài khoản giao dịch thông báo tại thời điểm trả lương.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đòi trả và chốt sổ bảo hiểm xã hội của nguyên đơn.

3. Về án phí dân sự: Công ty TNHH B phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 562.456đ (Năm trăm sáu mươi hai nghìn, bốn trăm năm mươi sáu đồng) và nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Bình Tân;
- THADS quận Bình Tân;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Yến